Ký bởi: BỘ QUỐC PHÒNG
Ngày ký: 16-10-2026 10:40:47 +07:00

BỘ QUỐC PHÒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 5834/QĐ-BQP	*Hà Nội, ngày 16 tháng 10 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy trình xác minh tài sản, thu nhập trong Bộ Quốc phòng

BỘ TRƯỞNG BỘ QUỐC PHÒNG

Căn cứ Luật Phòng, chống tham nhũng số 36/2018/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 59/2020/QH14, Luật số 81/2025/QH15 và Luật số 132/2025/QH15;

Căn cứ Quyết định số 56-QĐ/TW ngày 08/02/2022 của Bộ Chính trị về việc ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập;

Căn cứ Quy định số 21-QĐ/TW ngày 11/4/2026 của Ban Chấp hành Trung ương về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng;

Căn cứ Nghị định số 164/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị;

Căn cứ Nghị định số 01/2022/NĐ-CP ngày 30/11/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 03/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ;

Căn cứ Quy định số 500-QĐ/QUTW ngày 10/4/2026 của Quân ủy Trung ương về phân cấp quản lý cán bộ, quy hoạch, đào tạo, bổ nhiệm, tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm đối với cán bộ trong Quân đội nhân dân Việt Nam;

Căn cứ Quy định số 826-QĐ/QUTW ngày 13/8/2026 của Quân ủy Trung ương về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn thuộc Bộ Quốc phòng;

Theo đề nghị của Chánh Thanh tra Bộ Quốc phòng tại Tờ trình số 3579/TTr-TTr ngày 14./10./2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Quy trình xác minh tài sản, thu nhập trong Bộ Quốc phòng gồm:

1. Quy trình xác minh tài sản, thu nhập hằng năm theo hình thức lựa chọn ngẫu nhiên theo điểm d khoản 1 Điều 41 Luật Phòng, chống tham nhũng.

2. Quy trình xác minh tài sản, thu nhập theo điểm a, b, c, đ khoản 1 Điều 41 Luật Phòng, chống tham nhũng.

(có Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Thanh tra Bộ Quốc phòng, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Đ/c Bộ trưởng Bộ Quốc phòng (để b/c);
- Các đồng chí Lãnh đạo BQP;
- Các cơ quan, đơn vị trực thuộc BQP[57];
- C19, C57, C85;
- Cổng Thông tin điện tử/BQP (để đăng tải);
- Lưu: VT, C64. BTung72.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Thượng tướng Nguyễn Văn Gấu

Phụ lục

QUY TRÌNH XÁC MINH TÀI SẢN, THU NHẬP TRONG BỘ QUỐC PHÒNG

(Kèm theo Quyết định số 5834/QĐ-BQP ngày 16/10/2026 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng)

1. Mục đích, yêu cầu

Quy định về quy trình xác minh tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập để triển khai tổ chức thực hiện thống nhất trong toàn quân. Quá trình tổ chức xác minh tài sản, thu nhập phải đảm bảo đúng quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về kiểm soát tài sản, thu nhập.

2. Phạm vi áp dụng

Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập, người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập trong Bộ Quốc phòng; cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến tài sản, thu nhập. Riêng cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập của Đảng (UBKT) có thể tham khảo quy trình và mẫu biểu để phù hợp quy định thể thức văn bản của Đảng.

3. Các văn bản quy phạm pháp luật

- Luật Phòng, chống tham nhũng số 36/2018/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 132/2025/QH15.

- Nghị định số 164/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.

- Quyết định số 56-QĐ/TW ngày 08/02/2022 của Bộ Chính trị về việc ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập.

- Quy định số 21-QĐ/TW ngày 11/4/2026 của Ban Chấp hành Trung ương về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng

- Quy định số 500-QĐ/QUTW ngày 10/4/2026 của Quân ủy Trung ương về phân cấp quản lý cán bộ, quy hoạch, đào tạo, bổ nhiệm, tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm đối với cán bộ trong Quân đội nhân dân Việt Nam.

- Quy định số 826-QĐ/QUTW ngày 13/8/2026 của Quân ủy Trung ương về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn thuộc Bộ Quốc phòng.

4. Chữ viết tắt

QUTW	- Quân ủy Trung ương.
BQP	- Bộ Quốc phòng.
QĐ	- Quyết định.
KH	- KH.
BC	- Báo cáo.
KL	- Kết luận.
PCTN	- Phòng, chống tham nhũng.
TXM	- Tổ xác minh.
UBKT	- Ủy ban kiểm tra.
TSTN	- Tài sản, thu nhập.

Cơ quan quản lý nhân sự: Cán bộ, quân lực, tổ chức lao động.

5. Nội dung

5.1. Quy trình thực hiện xác minh TSTN hằng năm theo hình thức lựa chọn ngẫu nhiên (theo điểm d khoản 1 Điều 41 Luật PCTN)

Trách nhiệm	Bước	Quy trình xác minh TSTN theo hình thức lựa chọn ngẫu nhiên	Biểu mẫu	Ghi chú
Cơ quan kiểm soát TSTN tại Điều 6 Quy định số 826-QĐ/QUTW ngày 13/8/2026 của QUTW	**1**	**Xây dựng KH, phê duyệt KH xác minh TSTN năm**	BM01, BM02	
	2	**Lựa chọn ngẫu nhiên người được xác minh TSTN**	BM03	
	3	**Ban hành QĐ xác minh TSTN**	BM04	
	4	**Xây dựng và phê duyệt KH tiến hành xác minh TSTN**	BM05, BM06	
	5	**Công bố Quyết định xác minh TSTN**	BM07	
	6	**Yêu cầu cung cấp tài liệu phục vụ xác minh TSTN**		
	-	Yêu cầu cung cấp tài liệu kiểm chứng	BM08	
	-	Yêu cầu cung cấp thông tin, tài liệu	BM09.01, BM09.02	
	7	**Tiến hành xác minh TSTN**		
	-	Nghiên cứu bản kê khai, đánh giá các nội dung kê khai		
	-	Yêu cầu giải trình, làm việc trực tiếp (nếu cần)	BM10	
	-	Xác minh thực tế (nếu cần)	BM11	
	-	Báo cáo kết quả xác minh TSTN	BM12	
	8	**KL xác minh, gửi và công khai KL xác minh TSTN**		
	-	Xây dựng dự thảo KL		
	-	KL xác minh	BM13	
	-	Gửi và công khai KL	BM14	
	9	**Lưu trữ hồ sơ xác minh**		

Bước 1: Xây dựng KH xác minh TSTN hằng năm

a) Căn cứ xây dựng KH

- Định hướng xây dựng kế hoạch xác minh tài sản, thu nhập do Thanh tra Chính phủ chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trước ngày 31 tháng 10 hằng năm;

- Tình hình tham nhũng và công tác phòng, chống tham nhũng ở các cơ quan, đơn vị;

- Định hướng xây dựng KH xác minh tài sản, thu nhập do Thanh tra Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng và trình Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phê duyệt trước ngày 31 tháng 01 hằng năm.

- Các yêu cầu, chỉ đạo của QUTW, BQP và cơ quan, tổ chức có thẩm quyền trong công tác phòng, chống tham nhũng;

- Các căn cứ khác có liên quan.

b) Phối hợp xây dựng KH xác minh TSTN

Hằng năm, Ủy ban kiểm tra Đảng ủy (cấp trên trực tiếp cơ sở trở lên) phối hợp với Thanh tra quốc phòng hoặc cơ quan quản lý nhân sự (trong trường hợp không có cơ quan thanh tra) để xác định đơn vị, đối tượng được xác minh theo thẩm quyền tránh chồng chéo cùng một đơn vị có người được xác minh báo cáo cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c) KH xác minh TSTN được xây dựng và phê duyệt trước ngày 31/01 hằng năm (*theo quy định tại Điều 6, Điều 19 Quy định số 826-QĐ/QUTW ngày 13/8/2026 của QUTW*). Nội dung cụ thể của KH:

- Mục đích, yêu cầu;

- Nội dung xác minh là các thông tin kê khai tại bản kê khai của năm xác minh so với các thông tin đã kê khai tại bản kê khai của năm liền trước;

- Số lượng và tên cơ quan, đơn vị được xác minh (tối thiểu bằng 5% số đơn vị thuộc thẩm quyền kiểm soát của mình);

- Số lượng người được lựa chọn để xác minh ngẫu nhiên phải bảo đảm tối thiểu 10% số người có nghĩa vụ kê khai hằng năm tại mỗi cơ quan, tổ chức, đơn vị được xác minh, trong đó có ít nhất 01 người là người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị;

- Việc tổ chức thực hiện KH xác minh, người được phân công chỉ đạo việc thực hiện, đơn vị được phân công tiến hành xác minh, nguồn lực để thực hiện việc xác minh.

(*Có Biểu mẫu BM01, BM02 kèm theo*)

Bước 2: Lựa chọn ngẫu nhiên người được xác minh TSTN

Căn cứ vào KH xác minh TSTN hằng năm, cơ quan kiểm soát TSTN tiến hành phối hợp với cơ quan, đơn vị rà soát, chuẩn hóa thông tin người được xác minh, tổ chức lựa chọn ngẫu nhiên người được xác minh. Việc lựa chọn được thực hiện công khai bằng hình thức bốc thăm hoặc sử dụng phần mềm máy tính. Cụ thể:

- Trước khi tổ chức bốc thăm, Cơ quan kiểm soát TSTN phối hợp với đơn vị có người được xác minh rà soát danh sách người được xác minh TSTN theo tiêu chí[1], đánh số theo thứ tự những người có nghĩa vụ kê khai TSTN hằng năm của đơn vị được xác minh và chuẩn bị phiếu bốc thăm theo danh sách.

- Cơ quan kiểm soát TSTN (chủ trì) làm văn bản gửi các cơ quan mời đại diện cơ quan quản lý người thuộc diện lựa chọn ngẫu nhiên, ủy ban kiểm tra Đảng ủy cùng cấp (cơ quan thanh tra, cơ quan quản lý nhân sự) và Hội đồng quân nhân hoặc tổ chức công đoàn cơ sở hoặc cơ quan giúp việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở cùng cấp dự Hội nghị chứng kiến việc lựa chọn ngẫu nhiên người được xác minh TSTN để đảm bảo tính công khai, minh bạch.

- Tổ chức Hội nghị bốc thăm ngẫu nhiên: Việc lựa chọn được thực hiện công khai bằng hình thức bốc thăm hoặc sử dụng phần mềm máy tính; thiết lập biên bản ghi nhận việc bốc thăm lựa chọn ngẫu nhiên người được xác minh TSTN (*có Biểu mẫu BM03 kèm theo*).

- Sau khi lựa chọn người được xác minh, nếu số lượng người được xác minh TSTN lớn, cơ quan kiểm soát TSTN triển khai công tác xác minh thành nhiều đợt. Việc phân chia các đợt xác minh, thời điểm thực hiện tương ứng được quy định cụ thể tại KH xác minh TSTN được phê duyệt. KH xác minh TSTN được phê duyệt là căn cứ để cơ quan kiểm soát TSTN ban hành quyết định xác minh.

Bước 3: Ban hành QĐ xác minh TSTN

Người đứng đầu Cơ quan kiểm soát TSTN ra quyết định xác minh tài sản, thu nhập trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày có căn cứ xác minh quy định tại điểm d khoản 1 Điều 41 của Luật PCTN[2]. Nội dung QĐ xác minh được quy định tại khoản 2 Điều 45 Luật PCTN gồm:

- Căn cứ ban hành QĐ xác minh: Văn bản quy phạm pháp luật; KH xác minh năm; kết quả hội nghị bốc thăm lựa chọn ngẫu nhiên người được xác minh TSTN để ban hành Quyết định xác minh TSTN;

- Họ, tên, chức vụ, nơi công tác của người được xác minh TSTN;

- Họ, tên, chức vụ, nơi công tác của Tổ trưởng và thành viên TXM TSTN (bảo đảm vô tư, khách quan trong việc xác minh TSTN được quy định tại khoản 1 Điều 46 Luật PCTN[3]);

- Nội dung xác minh:

+ Tính trung thực, đầy đủ, rõ ràng của bản kê khai.

+ Tính trung thực trong việc giải trình về biến động TSTN và nguồn gốc của TSTN tăng thêm; nguyên nhân tài sản, thu nhập bị giảm (nếu có).

---

[1] Quy định tại khoản 3 Điều 19 Quy định số 826-QĐ/QUTW ngày 13/8/2026 của QUTW.

[2] Thuộc trường hợp xác minh theo KH xác minh tài sản, thu nhập hằng năm đối với người có nghĩa vụ kê khai được lựa chọn ngẫu nhiên

[3] Tổ xác minh tài sản, thu nhập gồm có Tổ trưởng và các thành viên. Trường hợp nội dung xác minh có tình tiết phức tạp, liên quan đến nhiều cơ quan, tổ chức, đơn vị thì người đứng đầu Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập có thể yêu cầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan cử người tham gia Tổ xác minh tài sản, thu nhập.

Không bố trí người tham gia Tổ xác minh tài sản, thu nhập là vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh, chị, em ruột của người được xác minh hoặc người khác mà có căn cứ cho rằng người đó có thể không vô tư, khách quan trong việc xác minh tài sản, thu nhập

- Thời hạn xác minh;

- Nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ trưởng và thành viên TXM TSTN;

- Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan phối hợp (nếu có).

(*Có Biểu mẫu BM04 kèm theo*)

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày ban hành QĐ xác minh phải được gửi Tổ trưởng và thành viên TXM TSTN người được xác minh, cơ quan quản lý người được xác minh và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Bước 4: Xây dựng và ban hành KH tiến hành xác minh TSTN

a) Tổ trưởng TXM có trách nhiệm chủ trì xây dựng KH tiến hành xác minh trình cấp có thẩm quyền ký ban hành QĐ phê duyệt KH tiến hành xác minh; thời gian phê duyệt KH tiến hành xác minh tài sản, thu nhập không quá 03 ngày làm việc từ khi ban hành Quyết định xác minh. Nội dung KH tiến hành xác minh:

- Mục đích, yêu cầu;

- Phạm vi, nội dung, đối tượng, thời điểm, thời hạn xác minh;

- Phương pháp tiến hành xác minh; tiến độ thực hiện, chế độ thông tin báo cáo;

- Việc sử dụng phương tiện, kinh phí và những điều kiện vật chất cần thiết phục vụ hoạt động của TXM.

b) Tổ trưởng Tổ xác minh tổ chức họp Tổ xác minh để phổ biến KH tiến hành xác minh, quán triệt mục đích, yêu cầu, nội dung, phạm vi, thời điểm, thời hạn, phương pháp tiến hành xác minh và phân công nhiệm vụ cho các thành viên Tổ xác minh.

(*Có Biểu mẫu BM05, BM06 kèm theo*)

Bước 5: Công bố Quyết định xác minh TSTN

Người ra quyết định xác minh (hoặc giao cho Tổ trưởng Tổ xác minh) chủ trì Hội nghị, quán triệt mục đích, yêu cầu, nội dung, phương pháp kiểm tra, xác minh và công bố Quyết định xác minh; phổ biến nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ trưởng, thành viên Tổ xác minh; quyền và nghĩa vụ của người được xác minh; trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong kiểm soát TSTN và hiệp đồng triển khai công tác xác minh. Việc công bố quyết định xác minh phải thiết lập biên bản có sự chứng kiến của các thành phần tham gia (đại diện chỉ huy cơ quan, đơn vị có người đ ược xác minh; người được xác minh).

(*Có Biểu mẫu BM07 kèm theo*)

Bước 6: Yêu cầu cung cấp tài liệu kiểm chứng và yêu cầu cung cấp thông tin, tài liệu phục vụ xác minh TSTN

a) Căn cứ vào bản kê khai của người được xác minh, người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu cơ quan kiểm soát TSTN hoặc Tổ trưởng TXM có văn bản yêu cầu người được xác minh cung cấp tài liệu, giấy tờ kiểm chứng những thông tin đã ghi trong bản kê khai TSTN.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu, đề nghị, người được xác minh có trách nhiệm cung cấp tài liệu, giấy tờ kiểm chứng; thông tin phức tạp, không có sẵn thì thời hạn cung cấp thông tin là 10 ngày làm việc kể từ khi nhận

được yêu cầu hoặc giải trình bằng văn bản về việc không cung cấp được tài liệu, giấy tờ kiểm chứng.

b) Người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu cơ quan kiểm soát TSTN, Tổ trưởng Tổ xác minh có văn bản yêu cầu cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan đến nội dung xác minh.

Cơ quan, tổ chức, đơn vị được yêu cầu cung cấp thông tin phải cung cấp theo yêu cầu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu; thông tin phức tạp, không có sẵn thì thời hạn cung cấp thông tin là 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được yêu cầu.

Trường hợp văn bản gửi (lần 1) theo quy định trên cơ quan, tổ chức, đơn vị được yêu cầu cung cấp thông tin không có văn bản phúc đáp thì Tổ trưởng Tổ xác minh có văn bản đôn đốc (lần 2) và chốt thời gian cung cấp thông tin cho Tổ xác minh; trong văn bản nêu trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, đơn vị "Sau ngày đó coi như đồng ý với nội dung kê khai của người được xác minh TSTN và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về những vấn đề phát sinh liên quan đến việc xác minh TSTN của người được xác minh theo hình thức lựa chọn ngẫu nhiên".

(*Có Biểu mẫu BM08, BM09.01, BM09.02 kèm theo*)

Bước 7: Tiến hành xác minh TSTN

a) Nghiên cứu bản kê khai và đánh giá các nội dung kê khai

Căn cứ vào bản kê khai, thông tin, tài liệu do các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân cung cấp và hồ sơ, tài liệu, thông tin, giải trình của người được xác minh:

a.1) Thành viên TXM TSTN được giao nghiên cứu bản kê khai của người được xác minh xem xét các nội dung:

- Quyền sử dụng đất;
- Nhà ở, công trình xây dựng;
- Tài sản khác gắn liền với đất;
- Vàng, kim cương, bạch kim và các kim khí quý, đá quý khác mà mỗi loại có tổng giá trị từ 150 triệu đồng trở lên;
- Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 150 triệu đồng trở lên;
- Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 150 triệu đồng trở lên;
- Tài sản số, tài sản khác mà mỗi loại tài sản có giá trị từ 150 triệu đồng trở lên;
- Các khoản nợ có giá trị từ 150 triệu đồng trở lên;
- Tài sản ở nước ngoài;
- Tài khoản ở nước ngoài;
- Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai;
- Biến động tài sản, thu nhập; giải trình biến động TSTN.

a.2) Thành viên TXM TSTN được giao nghiên cứu bản kê khai đánh giá các nội dung kê khai:

- Tính đầy đủ, rõ ràng của TSTN kê khai so với các hồ sơ, tài liệu, thông tin do người được xác minh cung cấp;

- Tính đầy đủ, rõ ràng của TSTN kê khai so với thông tin, tài liệu do các cơ quan có liên quan cung cấp;

- Tính đầy đủ, rõ ràng của TSTN kê khai trong bản kê khai;

- Tính đầy đủ, rõ ràng của TSTN kê khai so với giải trình của người được xác minh;

- Yếu tố lỗi của người được xác minh khi kê khai TSTN không phù hợp với thực tế:

+ Lỗi cố ý (kê khai không trung thực, không rõ ràng):

++ Hành vi người có nghĩa vụ kê khai biết rõ tài sản, thu nhập của mình hoặc của vợ/chồng, con chưa thành niên phải kê khai nhưng cố ý không kê khai hoặc kê khai không đúng sự thật nhằm che giấu;

++ Đã được cơ quan có chức năng, người tiếp nhận bản kê khai hướng dẫn, nhắc nhở, yêu cầu sửa nhưng cố tình không sửa bản kê khai.

+ Lỗi vô ý (lỗi kỹ thuật hoặc thiếu hiểu biết): Trường hợp kê khai sai lệch, không phù hợp với thực tế do nhầm lẫn về kỹ thuật, sơ suất hoặc do chưa nắm rõ, thiếu hiểu biết đầy đủ về hướng dẫn kê khai.

- Yếu tố lỗi của cơ quan quản lý người được xác minh trong việc hướng dẫn kê khai, rà soát, kiểm tra bản kê khai:

+ Lỗi trong việc hướng dẫn kê khai tài sản, thu nhập:

++ Thiếu sót hoặc chậm trễ khi phổ biến: Không tổ chức hướng dẫn, không cung cấp kịp thời các mẫu bản kê khai hoặc các quy định theo Nghị định số 164/2026/NĐ-CP của Chính phủ, Quy định của QUTW và các hướng dẫn của Thanh tra BQP cho người có nghĩa vụ kê khai;

++ Hướng dẫn sai hoặc không rõ ràng: Giải thích sai lệch các quy định về danh mục tài sản phải kê khai (ví dụ: các loại tài sản số, tài khoản nước ngoài, hoặc các khoản nợ từ 150 triệu đồng trở lên) khiến người kê khai hiểu sai và dẫn đến việc điền sai lệch so với thực tế;

++ Không làm rõ các điểm mới: Thiếu hướng dẫn cụ thể về việc xác định biến động tài sản hoặc cách thức giải trình nguồn gốc tài sản tăng thêm, giảm đi giữa hai kỳ kê khai.

+ Lỗi trong việc rà soát bản kê khai tài sản, thu nhập:

++ Không kiểm tra tính pháp lý của biểu mẫu: Bỏ qua việc kiểm tra xem người kê khai có điền đầy đủ các thông tin của vợ/chồng, con chưa thành niên hay không, dẫn đến việc bản kê khai bị nộp lên cấp trên trong tình trạng thiếu thông tin bắt buộc;

++ Không chuẩn hóa thông tin dữ liệu: Thiếu rà soát, chuẩn hóa dữ liệu thông tin trước khi gửi danh sách hoặc bản kê khai đến cơ quan kiểm soát TSTN.

+ Lỗi trong việc kiểm tra bản kê khai nội bộ:

++ Buông lỏng quản lý, giám sát: Không lập KH kiểm tra nội bộ định kỳ hoặc không đôn đốc, nhắc nhở nghiêm túc các đối tượng thuộc diện phải kê khai hàng năm thực hiện đúng thời hạn;

++ Phát hiện sai sót nhưng không yêu cầu sửa đổi: Biết bản kê khai của người có điểm chưa rõ ràng hoặc mâu thuẫn nhưng vẫn ký nhận, không yêu cầu người kê khai ghi rõ ràng, đầy đủ, chính xác kịp thời trước khi nộp lên cơ quan thẩm quyền cấp trên.

b) Yêu cầu giải trình, làm việc trực tiếp với người được xác minh TSTN (nếu cần)

- Căn cứ vào kết quả nghiên cứu bản kê khai, thông tin, tài liệu của các cơ quan có liên quan cung cấp, trường hợp cần thiết, TXM có văn bản yêu cầu người được xác minh giải trình về nội dung kê khai.

- Trường hợp nội dung giải trình của người kê khai chưa rõ, TXM quyết định làm việc trực tiếp với người được xác minh. Nội dung làm việc với người được xác minh phải được lập thành biên bản (*có Biểu mẫu BM10 kèm theo*).

Nếu thông tin, tài liệu được cung cấp chưa đầy đủ, việc giải trình chưa rõ thì TXM yêu cầu người được xác minh tiếp tục cung cấp thông tin, tài liệu giải trình về các vấn đề còn chưa rõ.

- Thời hạn cung cấp thông tin, tài liệu giải trình về các vấn đề còn chưa rõ của người được xác minh không quá 10 ngày làm việc.

c) Xác minh thực tế (nếu cần)

- Căn cứ vào tình hình thực tế, yêu cầu của việc xác minh hoặc chỉ đạo của người ra quyết định xác minh, TXM tiến hành xác minh thực tế ở những địa điểm cần thiết, làm việc với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để thu thập, kiểm tra, xác định tính chính xác, hợp pháp của các thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung xác minh.

- Việc xác minh thực tế phải lập thành biên bản, ghi đầy đủ kết quả xác minh, ý kiến của những người tham gia xác minh và những người khác có liên quan.

(*Có Biểu mẫu BM11 kèm theo*)

d) Báo cáo kết quả xác minh TSTN

d.1) Thành viên TXM báo cáo bằng văn bản kết quả thực hiện nhiệm vụ xác minh gửi Tổ trưởng TXM theo tiến độ đã xác định trong KH tiến hành xác minh TSTN đã được phê duyệt.

d.2) Căn cứ vào kết quả nghiên cứu bản kê khai, thông tin, tài liệu của các cơ quan có liên quan cung cấp, giải trình của người được xác minh, báo cáo của các thành viên TXM, Tổ trưởng TXM xây dựng Báo cáo kết quả xác minh TSTN gửi người ra quyết định xác minh. Thời hạn báo cáo và nội dung báo cáo, cụ thể như sau:

- Trong thời hạn 45 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định xác minh, Tổ trưởng TXM TSTN phải báo cáo kết quả xác minh TSTN bằng văn bản cho người ra quyết định xác minh; trường hợp phức tạp thì thời hạn có thể kéo dài nhưng không quá 90 ngày.

(*Có Biểu mẫu BM12 kèm theo*)

d.3) Nội dung của báo cáo kết quả xác minh TSTN

- Nội dung được xác minh, hoạt động xác minh đã được tiến hành và kết quả xác minh;

- Đánh giá về tính trung thực, đầy đủ, rõ ràng của bản kê khai;

- Tính trung thực trong việc giải trình về biến động TSTN và nguồn gốc của TSTN tăng thêm; nguyên nhân tài sản, thu nhập bị giảm (nếu có)

- Kiến nghị xử lý vi phạm quy định của pháp luật về kiểm soát TSTN (nếu có).

Bước 8: Ban hành KL xác minh, gửi và công khai KL xác minh TSTN

a) Xây dựng dự thảo KL xác minh TSTN

- Người ra quyết định xác minh xem xét, đánh giá các nội dung trong Báo cáo kết quả xác minh TSTN. Trường hợp cần phải làm rõ hoặc bổ sung thêm nội dung của báo cáo kết quả xác minh TSTN, người ra quyết định xác minh yêu cầu Tổ trưởng TXM và các thành viên báo cáo hoặc tổ chức họp để nghe TXM báo cáo trực tiếp.

- Sau khi nhận được Báo cáo kết quả xác minh TSTN và báo cáo bổ sung (nếu có) của Tổ xác minh, người ra quyết định xác minh chỉ đạo Tổ trưởng TXM xây dựng dự thảo KL xác minh TSTN. Quá trình xây dựng dự thảo KL xác minh TSTN, người ra quyết định xác minh có thể yêu cầu người được xác minh giải trình làm rõ thêm các nội dung có liên quan.

b) Ban hành KL xác minh

- Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được BC kết quả xác minh TSTN, người ra QĐ xác minh phải ban hành KL xác minh TSTN; trường hợp phức tạp thì thời hạn có thể kéo dài nhưng không quá 20 ngày.

- KL xác minh gồm các nội dung sau:

+ Tính trung thực, đầy đủ, rõ ràng của việc kê khai TSTN;

+ Tính trung thực trong việc giải trình về biến động TSTN và nguồn gốc của TSTN tăng thêm; nguyên nhân tài sản, thu nhập bị giảm (nếu có);

+ Kiến nghị tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xử lý vi phạm quy định của pháp luật về kiểm soát TSTN.

(*Có Biểu mẫu BM13 kèm theo*)

c) Gửi và công khai KL xác minh TSTN

- Kết luận xác minh tài sản, thu nhập được gửi cho người được xác minh, cơ quan quản lý người được xác minh, cơ quan, đơn vị quản lý người được xác minh công tác và được lưu trong Hồ sơ xác minh.

- Công khai KL xác minh TSTN thực hiện theo quy định tại Điều 50 Luật PCTN. Việc công khai bằng hình thức niêm yết tại trụ sở cơ quan nơi người được xác minh thường xuyên công tác hoặc công khai tại cuộc họp bao gồm toàn thể cán bộ, công chức, viên chức do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có người được xác minh tổ chức thực hiện theo KL xác minh TSTN; việc công khai phải được lập thành biên bản và có ký xác nhận của chỉ huy cơ quan, đơn vị.

Bước 9: Lưu trữ Hồ sơ xác minh TSTN

Chậm nhất 15 ngày kể từ ngày KL xác minh TSTN được ban hành, Tổ trưởng TXM chỉ đạo thành viên TXM sắp xếp, thống kê theo mục lục hồ sơ và chuyển cho cơ quan kiểm soát tài TSTN. Hồ sơ xác minh TSTN gồm:

- Tài liệu về căn cứ, KH xác minh hằng năm và lựa chọn ngẫu nhiên.
- Quyết định xác minh TSTN.
- KH tiến hành xác minh TSTN.
- Bản sao Bản kê khai TSTN của người được xác minh.
- Văn bản yêu cầu cơ quan, tổ chức, đơn vị cung cấp thông tin, tài liệu; Văn bản yêu cầu người được xác minh giải trình liên quan đến nội dung kê khai (nếu có).
- Văn bản trả lời của các cơ quan cung cấp thông tin, tài liệu.
- Văn bản giải trình của người được xác minh (nếu có).
- Biên bản làm việc với người được xác minh (nếu có).
- Quyết định gia hạn thời hạn xác minh (nếu có).
- Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ của thành viên Tổ xác minh.
- Báo cáo kết quả xác minh của Tổ xác minh.
- Kết luận xác minh TSTN.
- Tài liệu khác có liên quan (nếu có).

5.2. Quy trình thực hiện xác minh TSTN (theo điểm a, b, c, đ khoản 1 Điều 41 Luật PCTN)

Trách nhiệm	Bước	Quy trình xác minh TSTN	Biểu mẫu	Ghi chú
Cơ quan kiểm soát TSTN tại Điều 6 Quy định số 826-QĐ/QUTW ngày 13/8/2026 của QUTW	1	**Ban hành QĐ xác minh TSTN**	BM04	
	2	**Xây dựng và phê duyệt KH tiến hành xác minh TSTN**	BM05, BM06	
	3	**Công bố Quyết định xác minh TSTN**	BM07	
	4	**Yêu cầu cung cấp tài liệu phục vụ xác minh TSTN**		
	-	Yêu cầu cung cấp tài liệu kiểm chứng	BM08	
	-	Yêu cầu cung cấp thông tin, tài liệu	BM09.01, BM09.02	
	5	**Tiến hành xác minh TSTN**		
	-	Nghiên cứu bản kê khai, đánh giá các nội dung kê khai		
	-	Yêu cầu giải trình, làm việc trực tiếp (nếu cần)	BM10	
	-	Xác minh thực tế (nếu cần)	BM11	
	-	Báo cáo kết quả xác minh TSTN	BM12	
	6	**KL xác minh, gửi và công khai KL xác minh TSTN**		
	-	Xây dựng dự thảo KL		
	-	KL xác minh	BM13	
	-	Gửi và công khai KL	BM14	
	7	**Lưu trữ hồ sơ xác minh**		

5.2.1. Xác minh theo các căn cứ quy định tại điểm a, b, c, đ khoản 1 Điều 41 Luật PCTN

- Điểm a: Có dấu hiệu rõ ràng về việc kê khai TSTN không trung thực;

- Điểm b: Có biến động tăng về TSTN từ 1 tỷ đồng trở lên so với TSTN đã kê khai lần liền trước đó mà người có nghĩa vụ kê khai giải trình không hợp lý về nguồn gốc;

- Điểm c: Có tố cáo về việc kê khai TSTN không trung thực và đủ điều kiện thụ lý theo quy định của Luật Tố cáo;

- Điểm đ: Có yêu cầu hoặc kiến nghị của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền theo quy định tại Điều 18 của Quy định số 826-QĐ/QUTW ngày 13/8/2026 của QUTW.

5.2.2. Quy trình xác minh

Bước 1: Ban hành QĐ xác minh TSTN

a) Người đứng đầu Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập ra quyết định xác minh tài sản, thu nhập ***trong thời hạn 05 ngày làm việc*** kể từ ngày có căn cứ xác minh quy định tại điểm đ hoặc ***15 ngày*** kể từ ngày có căn cứ xác minh quy định tại các điểm a, b, c nêu trên.

Lưu ý: Đối với điểm c (có tố cáo về việc kê khai TSTN không trung thực) và đủ điều kiện thụ lý nhưng cơ quan giải quyết tố cáo không có thẩm quyền xác minh TSTN thì xác định thẩm quyền như sau:

a.1) Trong trường hợp cơ quan thụ lý giải quyết đơn tố cáo theo thẩm quyền phát hiện có nội dung tố cáo liên quan đến xác minh TSTN, nhưng thẩm quyền xác minh TSTN thuộc các cơ quan kiểm soát TSTN bên ngoài Quân đội thì cơ quan thụ lý giải quyết đơn tố cáo thực hiện như sau:

- Trường hợp người bị tố cáo thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý công tác tại các đơn vị trực thuộc BQP thì cơ quan có thẩm quyên giải quyết đơn tố cáo báo cáo đảng ủy, chỉ huy trực tiếp đến đảng ủy, chỉ huy đơn vị trực thuộc BQP để báo cáo Thường vụ QUTW (qua Cơ quan ủy ban Kiểm tra QUTW để nghiên cứu, tham mưu đề xuất). Sau khi có ý kiến của Thường vụ QUTW, đảng ủy, chỉ huy đơn vị trực tiếp của cơ quan có thẩm quyền giải quyết đơn tố cáo có văn bản đề nghị ủy ban Kiểm tra Trung ương tiến hành xác minh TSTN theo quy định và thông báo kết quả xác minh TSTN của người bị tố cáo để phục vụ kết luận nội dung tố cáo.

- Trường hợp người bị tố cáo có hệ số phụ cấp chức vụ thuộc thẩm quyền kiểm soát TSTN của Thanh tra Chính phủ thì cơ quan cơ thẩm quyền giải quyết đơn tố cáo báo cáo đảng ủy, chỉ huy trực tiếp đến đảng ủy, chỉ huy đơn vị trực thuộc BQP để báo cáo Bộ trưởng BQP (qua Thanh tra BQP để nghiên cứu tham mưu, đề xuất). Sau khi có ý kiến của Bộ trưởng BQP, đảng ủy, chỉ huy đơn vị trực tiếp của cơ quan có thẩm quyền giải quyết đơn tố cáo có văn bản đề nghị Thanh

tra Chính phủ tiến hành xác minh TSTN theo quy định và thông báo kết quả xác minh TSTN của người bị tố cáo để phục vụ kết luận nội dung tố cáo.

- Trường hợp người bị tố cáo có hệ số phụ cấp chức vụ thuộc diện Ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy quản lý: Cơ quan có thẩm quyền giải quyết đơn tố cáo báo cáo đảng ủy, chỉ huy trực tiếp để báo cáo đến đảng ủy, chỉ huy đơn vị trực thuộc BQP để báo cáo Thường vụ QUTW (qua Cơ quan ủy ban Kiểm tra QUTW để nghiên cứu, tham mưu đề xuất). Sau khi có ý kiến của Thường vụ QUTW, đảng ủy, chỉ huy đơn vị trực tiếp của cơ quan có thẩm quyền giải quyết đơn tố cáo có văn bản đề nghị ủy ban kiểm tra tỉnh ủy, thành ủy tiến hành xác minh TSTN theo quy định và thông báo kết quả xác minh TSTN của người bị tố cáo để phục vụ kết luận nội dung tố cáo.

a.2) Các trường hợp còn lại cơ quan có thẩm quyền giải quyết đơn tố cáo báo cáo đảng ủy, chỉ huy trực tiếp để đề nghị cơ quan có thẩm quyền xác minh TSTN trong Quân đội tiến hành xác minh TSTN theo quy định và thông báo kết quả xác minh TSTN của người bị tố cáo để phục vụ kết luận nội dung tố cáo.

b) Cơ quan kiểm soát TSTN ban hành QĐ xác minh TSTN, nội dung QĐ xác minh được quy định tại khoản 2 Điều 45 Luật PCTN gồm:

- Căn cứ ban hành QĐ xác minh: Văn bản quy phạm pháp luật; điểm a, b, c, đ khoản 1 Điều 41 Luật PCTN để ban hành Quyết định xác minh TSTN (đối với việc xác minh theo điểm c khoản 1 Điều 41 Luật PCTN, KH còn phải căn cứ quy định của pháp luật về tố cáo);

- Họ, tên, chức vụ, nơi công tác của người được xác minh TSTN;

- Họ, tên, chức vụ, nơi công tác của Tổ trưởng và thành viên TXM TSTN (bảo đảm vô tư, khách quan trong việc xác minh TSTN, được quy định tại khoản 1 Điều 46 Luật PCTN);

- Nội dung xác minh:

+ Tính trung thực, đầy đủ, rõ ràng của bản kê khai (hoặc TSTN theo nội dung tố cáo).

+ Tính trung thực trong việc giải trình về biến động TSTN và nguồn gốc của TSTN tăng thêm.

- Thời hạn xác minh;

- Nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ trưởng và thành viên TXM TSTN;

- Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan phối hợp (nếu có).

(*Có Biểu mẫu BM04 kèm theo*)

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày ban hành QĐ xác minh phải được gửi Tổ trưởng và thành viên TXM TSTN người được xác minh, cơ quan quản lý người được xác minh, người có thẩm quyền yêu cầu, kiến nghị xác minh TSTN trong trường hợp xác minh theo quy định tại Điều 42 Luật PCTN, Điều 18

của Quy định số 826-QĐ/QUTW ngày 13/8/2026 của QUTW và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Bước 2: Xây dựng và ban hành KH tiến hành xác minh TSTN

Như xác minh TSTN theo hình thức lựa chọn ngẫu nhiên.

Bước 3: Công bố Quyết định xác minh TSTN

Như xác minh TSTN theo hình thức lựa chọn ngẫu nhiên.

Bước 4: Yêu cầu cung cấp tài liệu kiểm chứng và yêu cầu cung cấp thông tin, tài liệu phục vụ xác minh TSTN

Như xác minh TSTN theo hình thức lựa chọn ngẫu nhiên

Bước 5: Tiến hành xác minh TSTN

Như xác minh TSTN theo hình thức lựa chọn ngẫu nhiên

Lưu ý: Đối với việc xác minh TSTN theo quy định tại điểm c, điểm đ thì thành viên TXM TSTN được giao nghiên cứu bản kê khai TSTN còn phải đối chiếu với nội dung tố cáo, nội dung yêu cầu hoặc kiến nghị của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền theo quy định tại Điều 42 của Luật PCTN và Điều 18 của Quy định số 826-QĐ/QUTW ngày 13/8/2026 của QUTW; đánh giá nội dung tố cáo là đúng, đúng một phần hoặc sai so với kết quả xác minh TSTN.

a) Yêu cầu giải trình, làm việc trực tiếp với người được xác minh TSTN (nếu cần)

Như xác minh TSTN theo hình thức lựa chọn ngẫu nhiên.

b) Xác minh thực tế (nếu cần)

Như xác minh TSTN theo hình thức lựa chọn ngẫu nhiên.

c) Báo cáo kết quả xác minh TSTN

Như xác minh TSTN theo hình thức lựa chọn ngẫu nhiên.

d) Nội dung của báo cáo kết quả xác minh TSTN

Như xác minh TSTN theo hình thức lựa chọn ngẫu nhiên.

Bước 6: Ban hành KL xác minh, gửi và công khai KL xác minh TSTN

Như xác minh TSTN theo hình thức lựa chọn ngẫu nhiên

Lưu ý: Đối với việc xác minh theo quy định tại điểm c thì Kết luận xác minh TSTN còn được gửi cho người tố cáo. Đối với việc xác minh theo quy định tại Điều 42 Luật PCTN và Điều 18 của Quy định số 826-QĐ/QUTW ngày 13/8/2026 của QUTW thì cơ quan kiểm soát TSTN gửi KL xác minh TSTN hoặc gửi văn bản kèm KL xác minh TSTN tới cơ quan có thẩm quyền yêu cầu, kiến nghị xác minh TSTN.

Bước 7: Lưu trữ Hồ sơ xác minh TSTN

Như xác minh TSTN theo hình thức lựa chọn ngẫu nhiên.

BM01

.....	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
.....	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /KH-.....	*Địa danh, ngày ..... tháng .... năm 20.....*

KẾ HOẠCH
Xác minh tài sản, thu nhập năm 20..... đối với người có chức vụ, quyền hạn thuộc .....

Căn cứ Luật Phòng, chống tham nhũng số 36/2018/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 132/2025/QH15; Nghị định số 164/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị; Quy định số 826-QĐ/QUTW ngày 13/8/2026 của Quân ủy Trung ương về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn thuộc Bộ Quốc phòng.....

Văn bản số...../BQP-TTr ngày ..../..../20... của Bộ Quốc phòng về việc định hướng xác minh tài sản, thu nhập năm 20..... trong Quân đội và Quyết định số...../QĐ-BQP ngày ...../...../20.... của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về phê duyệt Kế hoạch xác minh tài sản, thu nhập năm 20..... đối với người có chức vụ, quyền hạn thuộc Bộ Quốc phòng;

.....[1] xây dựng Kế hoạch xác minh tài sản, thu nhập (TSTN) của người có nghĩa vụ kê khai TSTN năm 20..... trong .....như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

.....

2. Yêu cầu

.....

II. NỘI DUNG, ĐỐI TƯỢNG, THỜI KỲ XÁC MINH

1. Nội dung xác minh

- Tính trung thực, đầy đủ, rõ ràng của nội dung bản kê khai TSTN.

- Tính trung thực trong việc giải trình về biến động TSTN và nguồn gốc của TSTN tăng thêm.

2. Đối tượng xác minh

- Lựa chọn ngẫu nhiên người được xác minh TSTN theo hình thức bốc thăm.

- Số người được xác minh ..... thuộc ... đơn vị[2].

---

[1] Tên cơ quan xây dựng kế hoạch xác minh.

[2] Đơn vị X:.....người/tổng số người thuộc thẩm quyền kiểm soát; Đơn vị Y:.....người/tổng số người thuộc thẩm quyền kiểm soát;.....

3. Thời kỳ xác minh

Thời kỳ xác minh: Từ ngày hoàn thành bản kê khai năm 20.... đến ngày hoàn thành bản kê khai năm 20..+1 (những nội dung liên quan đến trước hoặc sau thời kỳ xác minh).

III. TỔ CHỨC LỰC LƯỢNG, THỜI GIAN XÁC MINH

1. Tổ chức lực lượng

..... thành lập..... 01 Tổ xác minh do .....chủ trì phối hợp với các cơ quan..... tiến hành xác minh TSTN đối với người có nghĩa vụ kê khai thuộc quyền quản lý theo đúng thẩm quyền.

2. Thời gian

Thời gian tiến hành xác minh: Quý II, III năm 20..+1

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. ..... (cơ quan chủ trì lập kế hoạch xác minh)

.....

2. Các cơ quan liên quan (.....)

.....

3. Đơn vị có người được xác minh

.....

V. CÔNG TÁC BẢO ĐẢM

.....

.....và các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan quán triệt, tổ chức triển khai thực hiện nghiêm Kế hoạch này. Quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc có vấn đề mới phát sinh báo cáo về ..... (qua .....) để được hướng dẫn./.

Nơi nhận:
- ..... (để báo cáo);
- Các CQ, ĐV có liên quan;
- .....;
- Lưu: VT, ... HT.....

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN KIỂM SOÁT TSTN

.....

BM02

.....	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
.....	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: ...../QĐ-.....	....., *ngày ... tháng ..... năm 20.....*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Kế hoạch xác minh tài sản, thu nhập năm 20....
đối với người có chức vụ, quyền hạn thuộc .....

CẤP CÓ THẨM QUYỀN PHÊ DUYỆT KẾ HOẠCH

Căn cứ Luật Phòng, chống tham nhũng số 36/2018/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 132/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 164/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị;

Căn cứ Quy định số 826 -QĐ/QUTW ngày 13/8/2026 của Quân ủy Trung ương về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn thuộc Bộ Quốc phòng;

Căn cứ.....;

Theo đề nghị của .....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch số /KH-..... ngày /...../20... của .....[3] về xác minh tài sản, thu nhập (TSTN) đối với người có chức vụ, quyền hạn thuộc.....

Điều 2. Giao .....chủ trì, phối hợp với .....tổ chức xác minh TSTN theo quy định của pháp luật.

Điều 3......, chỉ huy các cơ quan, đơn vị, người được xác minh TSTN và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- ..... (để báo cáo);
- Các cơ quan liên quan...;
- Đơn vị...;
-.....;
- Lưu: VT, ... HT.....

CHỨC VỤ NGƯỜI KÝ QUYẾT ĐỊNH

.....

[3] Cơ quan chủ trì xây dựng kế hoạch.

BM03

.....	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
.....	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
	....., ngày ..... tháng.....năm 20....

BIÊN BẢN
Hội nghị bốc thăm lựa chọn ngẫu nhiên người có nghĩa vụkê khai hằng năm để xác minh tài sản, thu nhập thuộc.....

Thực hiện Quyết định số...../QĐ-..... ngày..../...../20... của .....về phê duyệt Kế hoạch xác minh tài sản, thu nhập (TSTN) năm 20... đối với người có chức vụ, quyền hạn thuộc .....

Hôm nay, vào hồi.... giờ.... phút ngày ..... tháng ..... năm 20....., tại ..... tiến hành Hội nghị bốc thăm lựa chọn ngẫu nhiên người có nghĩa vụ kê khai hằng năm để xác minh TSTN thuộc các đơn vị.....

I. THÀNH PHẦN

1. Chủ trì Hội nghị

.....

1. Đại diện .....

.....

2. Đại diện.....

.....

3. Đại diện.....

.....

4. Đại diện các đơn vị có người được xác minh.

.....

II. NỘI DUNG

1. Đồng chí Chủ trì Hội nghị phát biểu khai mạc; quán triệt mục đích, yêu cầu, nội dung, thời gian, tổ chức, phương pháp, tổ chức Hội nghị bốc thăm.

2. Đồng chí .....thông qua tiêu chí, quy trình, thứ tự bốc thăm lựa chọn ngẫu nhiên người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập hằng năm thuộc .....để xác minh tài sản, thu nhập.

3. Hội nghị tiến hành bốc thăm lựa chọn ngẫu nhiên người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập hằng năm thuộc .....để xác minh tài sản, thu nhập.

III. KẾT QUẢ CỤ THỂ

1. Danh sách các đồng chí thuộc đơn vị X (..... đồng chí)

2. Danh sách các đồng chí thuộc đơn vị Y (..... đồng chí)

.....

IV. KẾT LUẬN HỘI NGHỊ

Hội nghị bốc thăm lựa chọn ngẫu nhiên người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập hằng năm xác minh tài sản, thu nhập đối với ..... đồng chí đã thực hiện theo đúng quy trình, bảo đảm công khai theo quy định của pháp luật với sự chứng kiến của các cơ quan chức năng .....và đại diện các đơn vị được bốc thăm lựa chọn ngẫu nhiên người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập hằng năm để xác minh tài sản, thu nhập. Đề nghị:

.....

.....

Hội nghị kết thúc hồi.... giờ.....cùng ngày, được thông qua biểu quyết nhất trí 100% các thành phần tham dự. Biên bản này đã được đọc cho những người làm việc cùng nghe, mọi người nhất trí và ký xác nhận dưới đây.

Biên bản được lập thành...bản (.....) có giá trị như nhau./.

NGƯỜI GHI BIÊN BẢN	**CHỦ TRÌ**
.....	.....
ĐẠI DIỆN.....	**ĐẠI DIỆN.....**
.....	.....

BM04

.....	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
.....	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /QĐ-.....	*....., ngày tháng .... năm 20...*

QUYẾT ĐỊNH
Xác minh tài sản, thu nhập đối với người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập hằng năm có hệ số.....thuộc Đơn vị X

CẤP CÓ THẨM QUYỀN

Căn cứ Luật Phòng, chống tham nhũng số 36/2018/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 59/2020/QH14, Luật số 81/2025/QH15 và Luật số 132/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 164/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị;

Căn cứ Quy định số .....-QĐ/QUTW ngày .../..../2026 của Quân ủy Trung ương về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn thuộc Bộ Quốc phòng;

Căn cứ Quyết định số .....

Căn cứ vào Biên bản Hội nghị bốc thăm ngẫu nhiên ngày .../..../20.....;

Theo đề nghị của .....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tiến hành xác minh tài sản, thu nhập (TSTN) theo hình thức lựa chọn ngẫu nhiên đối với người có nghĩa vụ kê khai TSTN hằng năm thuộc Đơn vị X gồm các đồng chí có tên sau:

.....

Điều 2. Thành lập Tổ xác minh TSTN gồm:

.....

Điều 3. Nội dung xác minh TSTN

- Tính trung thực, đầy đủ, rõ ràng nội dung bản kê khai TSTN hằng năm năm 20..., 20.+1 của người có nghĩa vụ kê khai.

- Tính trung thực trong việc giải trình về biến động TSTN và nguồn gốc của TSTN tăng thêm giữa hai kỳ kê khai.

Điều 4. Thời kỳ, thời gian xác minh

- Thời kỳ xác minh: Từ ngày hoàn thành bản kê khai năm 20.... đến ngày hoàn thành bản kê khai năm 20..+1 (những nội dung liên quan đến trước hoặc sau thời kỳ xác minh).

- Thời hạn xác minh: 45 ngày làm việc, kể từ ngày ban hành Quyết định xác minh (không tính ngày nghỉ lễ, thứ Bảy, Chủ nhật). Trường hợp phức tạp thì thời hạn có thể kéo dài nhưng không quá 90 ngày.

Điều 5. Nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ trưởng Tổ xác minh, Thành viên Tổ xác minh thực hiện theo khoản 2, khoản 3 Điều 46 Luật Phòng, chống tham nhũng và Điều 5 Nghị định số 164/2026/NĐ-CP của Chính phủ.

Các cơ quan, đơn vị, cá nhân được kiểm tra, xác minh tài sản, thu nhập và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến tài sản, thu nhập của người được xác minh có trách nhiệm cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu theo yêu cầu và phối hợp làm việc với Tổ xác minh theo đúng quy định của pháp luật..

Điều 6. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký; các cá nhân có tên tại Điều 1, Điều 2; cơ quan, đơn vị được kiểm tra, người được xác minh và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- .....;
- Các cơ quan liên quan;
- Đơn vị X;
- Các đồng chí có tên tại Điều 1, Điều 2;
- Tổ xác minh TSTN;
- Lưu: VT, ... HT....

CHỨC VỤ NGƯỜI KÝ QUYẾT ĐỊNH

.....

BM05

.....	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
.....	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /QĐ-.....	*....., ngày tháng năm 202...*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Kế hoạch tiến hành xác minh tài sản, thu nhập đối với người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập hằng năm có hệ số.....thuộc Đơn vị X

CẤP CÓ THẨM QUYỀN

Căn cứ Quyết định số ...../QĐ-..... ngày .../..../202... của .....về phê duyệt Kế hoạch xác minh tài sản, thu nhập năm 202... đối với người có chức vụ, quyền hạn thuộc.....;

Căn cứ Quyết định số /QĐ-..... ngày /..../202... .....về xác minh tài sản, thu nhập đối với người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập hằng năm thuộc Đơn vị X;

Theo đề nghị của Tổ trưởng Tổ xác minh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch số /KH-TXM ngày /...../202... của Tổ xác minh về tiến hành xác minh tài sản, thu nhập (TSTN) của người có nghĩa vụ kê khai TSTN hằng năm thuộc Đơn vị X.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Tổ xác minh, Thủ trưởng Đơn vị X,..... người được xác minh TSTN, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
-.....;
- Các cơ quan có liên quan;
- Tổ xác minh TSTN (.....);
- Lưu: VT, ... HT.....

CHỨC VỤ NGƯỜI KÝ QUYẾT ĐỊNH

.....

BM.06

TỔNG CỤC CÔNG NGHIỆP QUỐC PHÒNG **TỔ XÁC MINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /KH-TXM	*Hà Nội, ngày tháng.... năm 20...*

KẾ HOẠCH
Tiến hành xác minh tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập hằng năm thuộc Nhà máy Z.....

Thực hiện Quyết định số /QĐ-..... ngày /...../20... của .....về việc xác minh tài sản, thu nhập (TSTN) của người có nghĩa vụ kê khai TSTN hằng năm thuộc Đơn vị X.

Tổ xác minh xây dựng kế hoạch xác minh TSTN như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

.....

2. Yêu cầu

.....

II. NỘI DUNG, THỜI KỲ, THỜI GIAN, PHƯƠNG PHÁP, TRÌNH TỰ XÁC MINH

1. Nội dung xác minh

- Tính trung thực, đầy đủ, rõ ràng nội dung bản kê khai TSTN năm 20...., 20..+1 của người có nghĩa vụ kê khai.

- Tính trung thực trong việc giải trình về biến động tài sản, thu nhập và nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm giữa hai kỳ kê khai.

2. Thời kỳ, thời hạn xác minh

- Thời kỳ xác minh: Từ ngày hoàn thành bản kê khai năm 20.... đến ngày hoàn thành bản kê khai năm 20..+1 (những nội dung liên quan đến trước hoặc sau thời kỳ xác minh).

- Thời hạn xác minh: 45 ngày làm việc với người được xác minh và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến TSTN của người được xác minh, kể từ ngày ban hành Quyết định xác minh (không tính ngày nghỉ lễ, thứ Bảy, Chủ nhật). Trường hợp phức tạp thì thời hạn có thể kéo dài nhưng không quá 90 ngày.

3. Phương pháp, trình tự xác minh

- Đề nghị người được xác minh cung cấp tài liệu, giấy tờ kiểm chứng những thông tin đã ghi trong bản kê khai TSTN.

- Đề nghị các tổ chức, cá nhân liên quan cung cấp các thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung xác minh.

- Đối chiếu, đánh giá: Căn cứ vào bản kê khai, thông tin, tài liệu do các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân cung cấp và hồ sơ, tài liệu, thông tin, giải trình của người được xác minh đánh giá các nội dung kê khai.

- Yêu cầu giải trình, làm việc trực tiếp với người được xác minh TSTN (nếu cần)
- Xác minh thực tế (nếu cần)
- Báo cáo kết quả xác minh TSTN.
- Gửi và công khai kết luận xác minh TSTN.

III. CÔNG TÁC BẢO ĐẢM

1. Tổ xác minh TSTN

.....

2. Đơn vị X

.....

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Tiến độ thực hiện

.....

(Có Lịch xác minh TSTN kèm theo)

2. Chế độ thông tin, báo cáo

.....

Căn cứ vào Kế hoạch này, Tổ xác minh, Đơn vị X và các tổ chức, cá nhân có liên quan chuẩn bị, hiệp đồng chu đáo để việc xác minh đạt được mục đích, yêu cầu đề ra./.

Nơi nhận:
- .....(để báo cáo);
- Cơ quan có liên quan;
- Tổ xác minh TSTN;
- Lưu: VT, TXM. HT...

TỔ TRƯỞNG

.....

BM07

.....	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
.....	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
	....., ngày ..... tháng.....năm 20....

BIÊN BẢN
Công bố nghị Quyết định xác minh tài sản, thu nhập đối với người có nghĩa vụ kê khai hằng năm thuộc.....

Thực hiện Quyết định số...../QĐ-..... ngày..../...../20... của .....về phê duyệt Kế hoạch xác minh tài sản, thu nhập (TSTN) năm 20... đối với người có chức vụ, quyền hạn thuộc .....; Quyết định số /QĐ-..... ngày /...../20... của .....về việc xác minh tài sản, thu nhập (TSTN) của người có nghĩa vụ kê khai TSTN hằng năm thuộc Đơn vị X.

Hôm nay, vào hồi.... giờ.... phút ngày ..... tháng ..... năm 20....., tại ..... ; Tổ xác minh tiến hành công bố Quyết định xác minh TSTN đối với..... thuộc các đơn vị.....

I. THÀNH PHẦN

1. Chủ trì Hội nghị (người ra quyết định xác minh)

.....

1. Tổ xác minh TSTN

.....

2. Đại diện.....

.....

3. Đại diện các đơn vị có người được xác minh.

.....

4. Người được xác minh.

.....

II. NỘI DUNG

1. Đồng chí Chủ trì Hội nghị phát biểu khai mạc; quán triệt mục đích, yêu cầu, nội dung, phương pháp kiểm tra, xác minh và công bố Quyết định xác minh

2. Đồng chí ..... phổ biến nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ trưởng Tổ xác minh, Thành viên Tổ xác minh; quyền và nghĩa vụ của người được xác minh; trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong kiểm soát tài sản, thu nhập và hiệp đồng triển khai công tác kiểm tra, xác minh.

3. Các ý kiến (nếu có).

IV. KẾT LUẬN HỘI NGHỊ

.....

Biên bản công bố Quyết định kiểm tra, xác minh được thông qua cho những người tham dự Hội nghị cùng nghe và lập thành 02 (hai) bản có nội dung giá trị như nhau; Tổ xác minh giữ 01 (một) bản, Đơn vị X giữ 01 (một) bản./.

CHỦ TRÌ HỘI NGHỊ

.....

ĐẠI DIỆN TỔ KTXM **TỔ TRƯỞNG**	**ĐẠI DIỆN THỦ TRƯỞNG** **ĐƠN VỊ .....**	**NGƯỜI GHI BIÊN BẢN** **THÀNH VIÊN TỔ KTXM**
_____	_____	.....
Thiếu tướng	**Thiếu tướng.....**	**Thượng tá.....**

ĐẠI DIỆN NGƯỜI ĐƯỢC XÁC MINH

.....	.....	.....

BM08

..... **TỔ XÁC MINH** Số: /TXM V/v cung cấp thông tin, tài liệu phục vụ xác minh tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai hằng năm	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *....., ngày tháng.....năm 20....*

Kính gửi: Đồng chí.....(người được xác minh).

Thực hiện Luật Phòng, chống tham nhũng, Nghị định số 164/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai trong cơ quan, tổ chức, đơn vị và Quy chế phối hợp giữa các Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập được ban hành kèm theo Quyết định số 56-QĐ/TW ngày 08/02/2022 của Bộ Chính trị.

Thực hiện Quyết định số...../QĐ-..... ngày..../...../20... của .....về phê duyệt Kế hoạch xác minh tài sản, thu nhập (TSTN) năm 20... đối với người có chức vụ, quyền hạn thuộc .....; Quyết định số /QĐ-..... ngày /...../20... của .....về việc xác minh TSTN của người có nghĩa vụ kê khai TSTN hằng năm thuộc Đơn vị X.

Tổ xác minh TSTN đề nghị đồng chí.....cung cấp tài liệu, giấy tờ kiểm chứng những thông tin đã ghi trong bản kê khai TSTN cụ thể như sau:

1. Về tài sản là đất ở

- Cung cấp bản sao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

.....

2. Về tài sản là phương tiện

.....

Đề nghị đồng chí cung cấp thông tin và tài liệu kèm theo gửi về Tổ xác minh (qua .....), địa chỉ:....., ***trước ngày ...../...../20...*** *(liên hệ đồng chí ....., thành viên Tổ xác minh, SĐT:.....)./.*

Nơi nhận:
- Như trên;
- Người ra quyết định xác minh (để báo cáo);
- Tổ xác minh;
- Lưu: VT, TXM. HT....

TỔ TRƯỞNG

.....

BM09.01

..... **TỔ XÁC MINH** Số: /TXM V/v cung cấp thông tin, tài liệu phục vụ xác minh tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai hằng năm	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *....., ngày tháng.....năm 20....*

Kính gửi: .....(cơ quan, tổ chức, đơn vị).

Thực hiện Luật Phòng, chống tham nhũng, Nghị định số 164/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai trong cơ quan, tổ chức, đơn vị và Quy chế phối hợp giữa các Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập được ban hành kèm theo Quyết định số 56-QĐ/TW ngày 08/02/2022 của Bộ Chính trị.

Thực hiện Quyết định số...../QĐ-..... ngày..../...../20... của .....về phê duyệt Kế hoạch xác minh tài sản, thu nhập (TSTN) năm 20... đối với người có chức vụ, quyền hạn thuộc .....; Quyết định số /QĐ-..... ngày /...../20... của .....về việc xác minh TSTN của người có nghĩa vụ kê khai TSTN hằng năm thuộc Đơn vị X.

Hiện nay, Tổ xác minh TSTN đang tiến hành xác minh TSTN đối với cán bộ có nghĩa vụ kê khai hằng năm theo hình thức lựa chọn ngẫu nhiên thuộc Đơn vị X.... theo Quyết định số ...../QĐ-..... ngày ../.../20... của .....

Để có căn cứ kết luận, Tổ xác minh TSTN đề nghị Quý cơ quan cung cấp thông tin bằng văn bản và hồ sơ, tài liệu (nếu có) về ..... tại các thời điểm kê khai tài sản.....của các cá nhân (có phụ lục danh sách kèm theo).

Văn bản cung cấp thông tin và tài liệu kèm theo xin gửi về Tổ xác minh (qua .....), địa chỉ:....., ***trước ngày ...../...../20...*** *(liên hệ đồng chí ....., thành viên Tổ xác minh, SĐT:.....).*

Rất mong nhận được sự quan tâm, hợp tác của Quý cơ quan./.

Nơi nhận: - Như trên; - Người ra quyết định xác minh (để báo cáo); - Tổ xác minh; - Lưu: VT, TXM. HT....	**TỔ TRƯỞNG** .....

BM09.02

..... **TỔ XÁC MINH** Số: /TXM V/v cung cấp thông tin, tài liệu phục vụ xác minh tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai hằng năm (lần 2)	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *....., ngày tháng.....năm 20....*

Kính gửi: .....(cơ quan, tổ chức, đơn vị).

Ngày ..../..../202..., ...đã có Công văn số ...../TTr-..... gửi .....về việc đề nghị cung cấp thông tin phục vụ xác minh tài sản thu nhập gửi ..... trước ngày **30/6/202....** Tuy nhiên, đến nay .....vẫn chưa nhận được văn bản trả lời của Quý cơ quan.

Để có căn cứ kết luận xác minh tài sản thu nhập đối với các đồng chí có nghĩa vụ kê khai hàng năm theo hình thức lựa chọn ngẫu nhiên theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về phòng, chống tham nhũng, đề nghị Quý cơ quan cung cấp thông tin bằng văn bản theo Công văn số ...../TTr-..... của .....

Văn bản đề nghị Quý cơ quan gửi về .....tại địa chỉ: .....**trước ngày 21/8/202....**, *(mọi chi tiết liên hệ.....)*. Sau ngày **21/8/202...**, nếu Quý cơ quan không cung cấp thông tin coi như đồng ý với nội dung kê khai của người được xác minh tài sản, thu nhập và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về những vấn đề phát sinh liên quan đến việc xác minh tài sản, thu nhập của người được xác minh theo hình thức lựa chọn ngẫu nhiên./.

Nơi nhận: - Như trên; - Người ra quyết định xác minh (để báo cáo); - Tổ xác minh; - Lưu: VT, TXM. HT....	**TỔ TRƯỞNG** .....

BM10

..... **TỔ XÁC MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
	....., ngày..... tháng.... năm 20...

BIÊN BẢN
Làm việc với người được xác minh tài sản, thu nhập hằng năm theo hình thức lựa chọn ngẫu nhiên

Thực hiện Luật Phòng, chống tham nhũng, Nghị định số 164/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai trong cơ quan, tổ chức, đơn vị và Quy chế phối hợp giữa các Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập được ban hành kèm theo Quyết định số 56-QĐ/TW ngày 08/02/2022 của Bộ Chính trị.

Thực hiện Quyết định số...../QĐ-..... ngày..../...../20... của .....về phê duyệt Kế hoạch xác minh tài sản, thu nhập (TSTN) năm 20... đối với người có chức vụ, quyền hạn thuộc .....; Quyết định số /QĐ-..... ngày /...../20... của .....về việc xác minh TSTN của người có nghĩa vụ kê khai TSTN hằng năm thuộc Đơn vị X.

Vào hồi....giờ... phút ngày.....tháng....năm 20....., tại Nhà máy Z..... Tổ xác minh tiến hành làm việc trực tiếp với người được xác minh TSTN theo hình thức lựa chọn ngẫu nhiên.

I. THÀNH PHẦN

1. Tổ xác minh

.....

2. Đại diện Đơn vị X

.....

3. Người được xác minh

.....

II. NỘI DUNG LÀM VIỆC

1. Tổ trưởng Tổ xác minh

Quán triệt mục đích, yêu cầu, nội dung, phương pháp đối với đồng chí.....Cụ thể:

Những vấn Người được xác minh trình bày rõ thêm:

.....

2. Người được xác minh giải trình

.....

3. Các ý kiến khác

.....

Nếu thông tin, tài liệu được cung cấp chưa đầy đủ, việc giải trình chưa rõ thì TXM yêu cầu người được xác minh tiếp tục cung cấp thông tin, tài liệu giải trình về các vấn đề còn chưa rõ (Thời hạn cung cấp thông tin, tài liệu giải trình về các vấn đề còn chưa rõ của người được xác minh không quá 10 ngày làm việc).

Biên bản làm việc kết thúc vào.....giờ.....cùng ngày, được đọc lại cho những người có tên nêu trên nghe và ký xác nhận; biên bản được lập thành 02 bản (Tổ xác minh 01 bản, đồng chí..... 01 bản) có giá trị như nhau./.

TỔ TRƯỞNG TỔ XÁC MINH	**NGƯỜI GHI BIÊN BẢN**
.....	.....
ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ X	**NGƯỜI ĐƯỢC XÁC MINH**
.....	.....

BM11

..... **TỔ XÁC MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
	....., ngày..... tháng.... năm 20...

BIÊN BẢN
Xác minh thực tế tài sản, thu nhập
đối với đồng chí .....

Thực hiện Luật Phòng, chống tham nhũng, Nghị định số 164/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai trong cơ quan, tổ chức, đơn vị và Quy chế phối hợp giữa các Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập được ban hành kèm theo Quyết định số 56-QĐ/TW ngày 08/02/2022 của Bộ Chính trị;

Thực hiện Quyết định số...../QĐ-..... ngày..../...../20... của .....về phê duyệt Kế hoạch xác minh tài sản, thu nhập (TSTN) năm 20... đối với người có chức vụ, quyền hạn thuộc .....; Quyết định số /QĐ-..... ngày /...../20... của .....về việc xác minh TSTN của người có nghĩa vụ kê khai TSTN hằng năm thuộc Đơn vị X;

Căn cứ vào Biên bản làm việc ngày.....; các thông tin, tài liệu đồng chí ..... đã cung cấp cho Tổ xác minh TSTN;

Vào hồi....giờ... phút ngày.....tháng....năm 20....., Tổ xác minh tiến hành xác minh trực tiếp với người được xác minh tại..... (nêu địa điểm xác minh thực tế).

I. THÀNH PHẦN

1. Tổ xác minh

.....

2. Đại diện Đơn vị X

.....

3. Đại diện cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan

.....

4. Người được xác minh

.....

II. NỘI DUNG XÁC MINH THỰC TẾ

1. Tổ trưởng Tổ xác minh

Quán triệt mục đích, yêu cầu, nội dung, phương pháp về việc xác minh thực tế đối với đồng chí.....Cụ thể:

.....

.....

2. Kết quả

(Thu thập, kiểm tra, xác định tính chính xác, hợp pháp của các thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung xác minh)

.....

3. Các ý kiến của những người tham gia xác minh và những người khác có liên quan

.....

Biên bản xác minh thực tế kết thúc vào.....giờ.....cùng ngày, được đọc lại cho những người có tên nêu trên nghe và ký xác nhận; biên bản được lập thành 02 bản (Tổ xác minh 01 bản, đồng chí..... 01 bản) có giá trị như nhau./.

TỔ TRƯỞNG TỔ XÁC MINH	**NGƯỜI GHI BIÊN BẢN**
.....	.....
ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ X	**ĐẠI DIỆN CƠ QUAN...**
.....	.....
ĐẠI DIỆN.....	**NGƯỜI ĐƯỢC XÁC MINH**
.....	.....

BM12

..... **TỔ XÁC MINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
	....., ngày tháng năm 20....

BÁO CÁO
Kết quả xác minh tài sản, thu nhập đối với đồng chí.....
thuộc Đơn vị X.....

Kính gửi: Người ra quyết định xác minh.

Thực hiện Luật Phòng, chống tham nhũng, Nghị định số 164/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai trong cơ quan, tổ chức, đơn vị và Quy chế phối hợp giữa các Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập được ban hành kèm theo Quyết định số 56-QĐ/TW ngày 08/02/2022 của Bộ Chính trị; Quyết định số...../QĐ-..... ngày..../...../20... của .....về phê duyệt Kế hoạch xác minh tài sản, thu nhập (TSTN) năm 20... đối với người có chức vụ, quyền hạn thuộc .....; Quyết định số /QĐ-..... ngày /...../20... của .....về việc xác minh TSTN của người có nghĩa vụ kê khai TSTN hằng năm thuộc Đơn vị X;

Căn cứ vào Biên bản làm việc ngày.....; các thông tin, tài liệu đồng chí ..... đã cung cấp cho Tổ xác minh TSTN;.....

Từ ngày .../.../20... đến ngày....., Tổ xác minh đã tiến hành xác minh TSTN, báo cáo kết quả như sau:

I. NỘI DUNG, HOẠT ĐỘNG XÁC MINH ĐÃ ĐƯỢC TIẾN HÀNH

1. Nội dung xác minh

.....

2. Hoạt động xác minh

I. THÔNG TIN NGƯỜI ĐƯỢC XÁC MINH

1. Thông tin chung

a) Người được xác minh:.....

b) Vợ (chồng) của người được xác minh:.....

c) Con chưa thành niên: .....

2. Thông tin về TSTN

.....

3. Các bản kê khai TSTN được xác minh

- Bản kê khai hằng năm của năm 20..... hoàn thành ngày .../..../20.....

- Bản kê khai hằng năm của năm 20..+1 hoàn thành ngày .../.../.....

- Bản kê phai phục vụ công tác cán bộ khi bổ nhiệm giữ chức vụ (..../20....): .....

II. KẾT QUẢ XÁC MINH

1. Nội dung xác minh

- Tính trung thực, đầy đủ, rõ ràng của bản kê khai.

- Tính trung thực trong việc giải trình về biến động TSTN và nguồn gốc của TSTN tăng thêm; nguyên nhân tài sản, thu nhập bị giảm (nếu có).

2. Kết quả xác minh

.....

III. KIẾN NGHỊ (NẾU CÓ)

1. Đối với đồng chí .....

.....

2. Đối với.....

.....

Trên đây là báo cáo kết quả xác minh TSTN của đồng chí..... thuộc Đơn vị X, kính đề nghị .....cho ý kiến chỉ đạo để Tổ xác minh triển khai thực hiện./.

TỔ TRƯỞNG

Nơi nhận:
- Như trên;
- Tổ xác minh;
- Lưu: VT,.... HT....

.....

BM13

.....	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
.....	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: ...../KL-.....	....., *ngày tháng năm 202...*

KẾT LUẬN
Xác minh tài sản, thu nhập đối với đồng chí
Thượng tá Nguyễn Văn A, Trưởng phòng.....

Thực hiện Luật Phòng, chống tham nhũng, Nghị định số 164/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai trong cơ quan, tổ chức, đơn vị và Quy chế phối hợp giữa các Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập được ban hành kèm theo Quyết định số 56-QĐ/TW ngày 08/02/2022 của Bộ Chính trị; Quyết định số...../QĐ-..... ngày..../...../20... của .....về phê duyệt Kế hoạch xác minh tài sản, thu nhập (TSTN) năm 20... đối với người có chức vụ, quyền hạn thuộc .....; Quyết định số /QĐ-..... ngày /...../20... của .....về việc xác minh TSTN của người có nghĩa vụ kê khai TSTN hằng năm thuộc Đơn vị X;

Xét Báo cáo số...../BC-.....ngày ..../.../202... của Tổ xác minh, ...kết luận xác minh TSTN của đồng chí Thượng tá Nguyễn Văn A, Trưởng phòng.....

..... kết luận như sau:

I. THÔNG TIN NGƯỜI ĐƯỢC XÁC MINH

1. Thông tin chung

a) Người được xác minh:.....

b) Vợ (chồng) của người được xác minh:.....

c) Con chưa thành niên: .....

2. Thông tin về TSTN

.....

3. Các bản kê khai TSTN được xác minh

- Bản kê khai hằng năm của năm 20..... hoàn thành ngày .../..../20.....
- Bản kê khai hằng năm của năm 20..+1 hoàn thành ngày .../.../20.....
- Bản kê phai phục vụ công tác cán bộ khi bổ nhiệm giữ chức vụ (..../20....): .....

II. KẾT QUẢ XÁC MINH

1. Nội dung xác minh

- Tính trung thực, đầy đủ, rõ ràng của bản kê khai.

- Tính trung thực trong việc giải trình về biến động TSTN và nguồn gốc của TSTN tăng thêm; nguyên nhân tài sản, thu nhập bị giảm (nếu có).

2. Kết quả xác minh

.....

III. KẾT LUẬN

1. Tính trung thực, đầy đủ, rõ ràng của bản kê khai.

.....

2. Tính trung thực trong việc giải trình về biến động TSTN và nguồn gốc của TSTN tăng thêm; lý do giảm đi (nếu có).

.....

IV. KIẾN NGHỊ

1. Đối với đồng chí .....

.....

2. Đối với.....

.....

Trên đây là Kết luận xác minh TSTN của đồng chí Thượng tá Nguyễn Văn A, Trưởng phòng...., Đơn vị X, đề nghị Đơn vị X và đồng chí Nguyễn Văn A triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:
-.....;
- Các cơ quan liên quan;
- Đơn vị X;
- Đồng chí Nguyễn Văn A;
- Tổ xác minh TSTN;
- Lưu: VT, ... HT....

CHỨC VỤ NGƯỜI KÝ QUYẾT ĐỊNH

.....

BM14

.....	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
TỔ XÁC MINH	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày .... tháng ... năm 202...

BIÊN BẢN
Công bố Kết luận xác minh tài sản, thu nhập
đối với đồng chí Thượng tá Nguyễn Văn A,
Trưởng phòng .....thuộc Đơn vị X

Hôm nay, vào hồi .....giờ..... ngày ...../...../202....;

Tại .....

Tổ xác minh tài sản, thu nhập theo Quyết định số ...../QĐ-CNQP ngày..../...../202... của .....về xác minh tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai hằng năm thuộc Đơn vị X....., tiến hành công khai Kết luận xác minh tài sản, thu nhập đối với đồng chí Thượng tá Nguyễn Văn A, Tưởng phòng .....thuộc Đơn vị X.

I. THÀNH PHẦN THAM DỰ

1. Tổ xác minh

.....

2. Đơn vị X

.....

3. Người được xác minh TSTN

.....

II. NỘI DUNG

.....

Việc công bố công khai Kết luận xác minh tài sản, thu nhập kết thúc hồi .... giờ..... cùng ngày.

Biên bản công bố công khai Kết luận xác minh tài sản, thu nhập đã được đọc lại cho những người có tên nêu trên nghe, đại diện ký xác nhận và lập thành 02 (hai) bản, có nội dung giá trị như nhau (Tổ xác minh giữ 01 bản, Đơn vị X giữ 01 bản)./.

TỔ TRƯỞNG TỔ XÁC MINH	**NGƯỜI GHI BIÊN BẢN**
ĐƠN VỊ X	**ĐẠI DIỆN HỘI ĐỒNG QUÂN NHÂN (BAN CHẤP HÀNH CÔNG ĐOÀN)**